

子女姓氏約定書

中文	本人 年 月 日出生之子女，約定從 ☐ 父 ☐ 母 姓，並命名 為：_____。
英文	We agreed that our child, born on _____ (date) will bear the ☐ father's or the ☐ mother's surname and he / she will be named :_____.
越南文	Nay con cái của tôi sinh ngày ____tháng____năm ____,giao hẹn theo họ ☐ Cha , ☐ Mẹ và đặt tên là _____.
印尼文	Dengan ini menyatakan bahwa anak saya yang lahir pada tahun bulan tanggal berikut, akan mengikuti marga (ayah 父/ibu 母), dan diberi nama : _____
泰文	ข้าพเจ้าขอรับรองบุตรที่เกิดในวันที่ _____เดือน_____ปี_____เป็นบุตรของข้าพเจ้า และจะใช้นามสกุลตามนามสกุลของ ☐ บิดา ☐ มารดา และตั้งชื่อบุตรว่า : _____
柬埔寨文	kUnrbs;´EdlekItenAéf¶TI Ex ☐ «Buk qñam)ansnptdak;namtamnamrbs; ☐ mpay ehIydak;eQuah ³ _____ .

立約定書人：_____〔簽章〕

國民身分證統一編號 (或護照號碼、統一證號) :

立約定書人：_____〔簽章〕

國民身分證統一編號
(或護照號碼、統一證號) _____

中華民國 年 月 日

子女姓氏變更約定（同意）書

中文	茲約定（同意）本人之_____男 女_____改從 ☐ 父 姓 ☐ 母 為_____。
英文	It's been agreed that our _____ son or daughter , _____ , whose surname will be changed to ☐ the father's or ☐ the mother's surname as _____
越南文	Nay giao hẹn (đồng ý) là con cái của cá nhân tôi , giới tính ☐ nam , ☐ nữ, thay đổi theo ☐ họ cha , theo họ mẹ ☐ và mang tên họ mới là_____
印尼文	Dengan ini menyatakan bahwa pihak yang bertanda tangan di bawah ini memutuskan (setuju) bahwa ____ laki-laki 男/perempuan 女 _____berganti marga dan mengikuti marga ayah 父/ibu 母 menjadi _____
泰文	ข้าพเจ้าขอรับรองว่า ☐ บุตรชาย ☐ บุตรสาว ของข้าพเจ้า _____ ได้ยอมรับที่จะเปลี่ยนสกุลเดิมจากสกุลของ ☐ บิดา ☐ มารดา เป็น _____
柬埔寨文	_____ kUnRbus _____ ☐ «Buk)ansnpt-yl;RBm' rbs;' kUnRsI EkERbnam[tamnamrbs; ☐ mpay KWEkERbCa ³ _____ .

立約定書人：_____〔簽章〕

國民身分證統一編號 (或護照號碼、統一證號) : _____

立約定書人：〔簽章〕

國民身分證統一編號
(或護照號碼、統一證號) _____

中華民國 年 月 日